

BÀI: PRONUNCIATION /k/ and /g/**UNIT 3: COMMUNITY SERVICE****MÔN: TIẾNG ANH – LỚP 7 MỚI****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Tóm tắt lý thuyết ngữ âm /k/ và /g/ Unit 2. Health tiếng Anh 7 chương trình mới****1. Âm /k/**

- Mô tả cách phát âm:
- + Nâng phần cuống lưỡi lên cho đến khi chạm ngạc mềm
- + Bật hơi
- + /k/ là âm vô thanh, khi phát âm dây thanh quản không rung
- Cách nhận diện âm /k/:

STT	Chữ cái / Nhóm chữ cái	Ví dụ
1	c	car, cat, careful, clean, close, colour, act, class, create, crowd, cage
2	k	keep, key, kind, kitchen, desk, like, talk, walk, kidney
3	ck	back, black, check, pocket, tick
4	ch	school, stomach, chemist, architect, choir, chorus, scheme, chord

2. Âm /g/

- Mô tả cách phát âm:
- + Vị trí và khẩu hình miệng giống âm /k/
- + Dùng giọng tạo âm /g/
- + /g/ là âm hữu thanh, khi phát âm dây thanh quản rung
- Cách nhận diện âm /g/:

STT	Chữ cái / Nhóm chữ cái	Ví dụ
1	c	car, cat, careful, clean, close, colour, act, class, create, crowd, cage
2	k	keep, key, kind, kitchen, desk, like, talk, walk, kidney
3	ck	back, black, check, pocket, tick
4	ch	school, stomach, chemist, architect, choir, chorus, scheme, chord
5	que	technique/tek'ni:k/, cheque/tʃek/

- Cách nhận diện âm /g/

STT	Chữ cái / Nhóm chữ cái	Ví dụ
1	g	garden, girl, glass, go, gold, ago, hungry, leg, eeg, bigger, ghost, luggage,

Chú ý: g +[e,i,y] sẽ đọc là /dʒ/